

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 3 - 2024
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Cảnh Tùng**

Ông Phan Mạnh Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Anh T**, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Tổ 29, ấp T, xã PH, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Ngọc Th**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu 5, xã ST, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

(Chị T và anh Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Phan Thị Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Ngọc Th kết hôn với nhau vào ngày 30/12/2022, việc kết hôn do hai bên tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã ST, huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khác biệt về quan điểm sống, quan điểm làm kinh tế, quan điểm nuôi dạy con

cái nên hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Hai bên không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau mà mỗi người đều có cuộc sống riêng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân anh Thái từ tháng 9/2023, đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thái.

Về con chung: Chị xác định có một con chung là cháu Hoàng Nhã H, sinh ngày 13/06/2023. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu H, về cấp dưỡng nuôi con chung chị đề nghị tự thỏa thuận với anh Thái không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Th tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị nhận chịu cả tiền án phí khi ly hôn.

***Trong Bản tự khai – bị đơn anh Hoàng Ngọc Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Anh T đăng ký kết hôn ngày 30/12/2022, hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ. Đến tháng 9/2023, chị T cùng con về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Long An sinh sống, anh đã vào đề khuyên chị Thư đoàn tụ gia đình nhưng chị T nhất quyết không quay về, nay chị Thư xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định có một con chung là cháu Hoàng Nhã H, sinh ngày 13/06/2023. Anh đồng ý để chị Thư được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Hân kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Hân thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh đề nghị tự thỏa thuận không đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HDXX) nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Quá trình giải quyết, chị T, anh Th đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Như vậy, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được quy định tại Khoản 4, Điều 207 BLTTDS.

Chị T và anh Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Anh T kết hôn với anh Hoàng Ngọc Th vào ngày 30/12/2022, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã ST, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị T và anh Th đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về quan điểm nuôi dạy con cái, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay Chị T và anh Th không còn thực tế chung sống, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2023. Nay chị Thư xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn anh Thái, anh Thái đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh Th đã trầm trọng; tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị Thư xin ly hôn, anh Thái đồng ý ly hôn. Vì vậy HĐXX áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Anh T và anh Hoàng Ngọc Th.

[2] Về con chung: Chị T và anh Th xác định có 01 con chung là Hoàng Nhã H, sinh ngày 13/06/2023. Hiện nay cháu Hân đang ở cùng chị Thư, ly hôn chị Thư đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hân. Anh Thái cũng nhất trí để chị Thư tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu. Vì vậy, HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa Chị T và anh Th giao cháu Hân cho chị Thư trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung Chị T và anh Th đề nghị tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh Th tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị T và anh Th đều xác định không có, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hai bên thỏa thuận nên mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí, tuy nhiên chị Thư nhận chịu cả tiền án phí theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Anh T và anh Hoàng Ngọc Th.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị Anh T và anh Hoàng Ngọc Th, giao cháu Hoàng Nhã H, sinh ngày 13/06/2023 cho chị Thu trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu H thành niên. Anh Thái có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Thái và chị Thu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị T và anh Th đều xác định không có nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Anh T nhận chịu cả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2020/0003714 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Thu số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Viết Tú

